

Bản án số: 703/2022/HS-PT
Ngày 21 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán:

Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 468/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Tạ Xuân C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 249/2022/HS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng cáo: Tạ Xuân C, sinh năm 1954 tại tỉnh Bình Định; Thường trú: 40/1 Tân Phước, Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú: B1F8 Chung cư Hoàng Kim Thế Gia, 31 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn Triều (chết) và bà Đặng Thị Sum (chết); Có vợ tên là Nguyễn Thị V, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng vi phạm pháp luật; Bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã vào ngày 24/5/2021 đến ngày 28/5/2021 được tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5/2001 đến tháng 10/2002, Tạ Xuân C cùng Phạm Văn H và một số đối tượng khác thành lập nhiều doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu

hạn Xây dựng Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hoàng V (sau đây viết tắt là Công ty Hoàng V); Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Sản xuất Thương mại Dịch vụ Lê H (sau đây viết tắt là Công ty Lê H); Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hà P (sau đây viết tắt là Công ty Hà P), với mục đích mua bán số lượng lớn hóa đơn giá trị gia tăng (sau đây viết tắt hóa đơn GTGT), cụ thể như sau:

1. Hành vi lập và ký khống 648 tờ Hóa đơn GTGT tại Công ty Hoàng V để bán cho 219 đơn vị, cá nhân với tổng trị giá 38.759.519.036 đồng:

Công ty Hoàng V được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 10/5/2001, ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh nhà, xây dựng dân dụng, san lấp mặt bằng, dịch vụ vận chuyển hàng hóa hành khách, gia công, chế biến, mua bán, nuôi trồng nông, lâm, thủy hải sản, mua bán điện máy, điện lạnh, điện tử... Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng (Tạ Xuân C góp 1.500.000.000 đồng và Cù Thị V¹ góp 1.000.000.000 đồng), do Tạ Xuân C làm Chủ tịch Hội đồng thành viên và đại diện theo pháp luật, được Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cấp mã số thuế 0303181965.

C giao V¹ phụ trách kế toán. Đầu tháng 6/2001, Tạ Xuân C bổ nhiệm Phạm Văn H làm Giám đốc, tuyển dụng Đặng Thanh H¹ làm nhân viên đánh máy và được C hướng dẫn cách lập Tờ khai thuế GTGT, Bảng kê hóa đơn GTGT đầu ra, đầu vào để lập báo cáo hàng tháng nộp Chi cục thuế Quận 12. Ngày 15/7/2001, V¹ rút tên ra khỏi Công ty. Từ tháng 08/2001 đến tháng 10/2001, C và H tuyển dụng các nhân viên: Huỳnh Lê Minh T, Trần Thị D, Nguyễn Thị Thanh N, Dương Phú Đ và được C hướng dẫn cách soạn thảo hồ sơ khống, gồm: Hợp đồng kinh tế, Biên bản thanh lý hợp đồng... và cách viết nội dung vào hóa đơn GTGT. Ngày 02/8/2001, C bổ nhiệm T làm Kế toán Trưởng.

Phạm Văn H được thay mặt C quản lý nhân sự, tiền, cấp phát lương. C hướng dẫn cách tính toán thu tiền bán hóa đơn GTGT, theo tỷ lệ 1,5 % doanh số trước thuế đối với các hóa đơn có thuế suất 10% và 1,2% doanh số trước thuế đối với các hóa đơn có thuế suất 5%. Tỷ lệ này không cố định, mà tùy đối tượng tăng hay giảm tiền bán hóa đơn GTGT.

Mặc dù biết Công ty không có bất kỳ hoạt động kinh doanh như đã đăng ký, nhưng theo chỉ đạo của C và H, từ ngày 01/6/2001 đến ngày 05/4/2002, V¹, T, H¹, N sử dụng giấy giới thiệu của Công ty Hoàng V đến Chi cục thuế Quận 12 để mua tổng cộng 14 cuốn hóa đơn, tổng số 700 tờ.

C và H đã bán 648 tờ hóa đơn GTGT cho 219 cá nhân, đơn vị với tổng trị giá 38.759.519.036 đồng, giá trị trước thuế là 35.893.901.037 đồng và thuế GTGT là 2.865.623.999 đồng (trong đó xuất cho Công ty Hà P 04 hóa đơn với

tổng giá trị hàng hóa trước thuế 240.425.453 đồng và thuế GTGT là 21.279.645 đồng), số còn lại trả 47 tờ cho Chi cục thuế Quận 12 và hủy 05 tờ.

Để hợp thức hóa đầu vào và che giấu hành vi mua bán hóa đơn không nêu trên, từ ngày 01/6/2001 đến ngày 30/5/2002, Tạ Xuân C và Phạm Văn H đã mua và sử dụng 141 tờ hóa đơn GTGT không của 31 đơn vị, với tổng trị giá 38.722.721.572 đồng, giá trị hàng hóa trước thuế là 35.862.252.942 đồng và thuế GTGT là 2.860.468.630 đồng (trong đó có 02 đơn vị do C lập ra là Công ty Lê H và Công ty Hà P, các chủ doanh nghiệp còn lại đã bỏ trốn và không xác minh được địa chỉ).

Cuối năm 2001, Công ty Hoàng V dời về cùng địa chỉ với Công ty Lê H ở 11Bis Tăng Bạt Hổ, quận Bình Thạnh. Tháng 5/2002, Chi cục thuế quận Bình Thạnh phát hiện hành vi mua bán hóa đơn GTGT của Công ty Hoàng V thì C và H nộp trả lại 47 hóa đơn GTGT chưa sử dụng cho Chi cục thuế Quận 12.

Phạm Văn H khai: Số tiền thu được từ việc bán hóa đơn GTGT của Công ty Hoàng V khoảng 300.000.000 đồng, trong đó khoảng 150.000.000 đồng được sử dụng mua hóa đơn đầu vào, 11.493.300 đồng được sử dụng để nộp thuế phí, chi hàng tháng: lương, thưởng, thuê nhà... khoảng 20.000.000 đồng/tháng cho đến khi Công ty ngưng hoạt động.

Như vậy, tại Công ty Hoàng V, Tạ Xuân C đã thành lập công ty, tuyển dụng Phạm Văn H và các cá nhân khác để thực hiện việc phát hành, mua bán 648 tờ hóa đơn GTGT cho 219 đơn vị, cá nhân, với tổng trị giá 38.759.519.036 đồng, giá trị hàng hóa trước thuế là 35.893.901.037 đồng và thuế GTGT là 2.865.623.999 đồng.

2. Hành vi lập và ký không 444 tờ Hóa đơn GTGT tại Công ty Lê H để bán cho 215 đơn vị, cá nhân với tổng trị giá 20.857.058.171 đồng:

Công ty Lê H được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 06/7/2001, ngành nghề kinh doanh: Xây dựng dân dụng, cụm công nghiệp, san lấp mặt bằng, mua bán thiết bị máy công-nông-ngư nghiệp, sản xuất các mặt hàng nhựa... Vốn điều lệ 500.000.000 đồng (Đặng Thanh H² góp 300.000.000 đồng và Nguyễn Thị V góp 200.000.000 đồng), do Đặng Thanh H² làm Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc và đại diện theo pháp luật, được Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cấp mã số thuế 0302345219.

Thời điểm thành lập Công ty Lê H, do đang đứng tên Công ty Hoàng V nên C để cho Đặng Thanh H² và vợ là Nguyễn Thị V đứng tên, nhưng thực tế V không tham gia hoạt động của Công ty, mà mọi chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty đều do C và H thực hiện. Ngày 10/10/2001, do bất đồng với H² trong việc phân chia quyền lợi, nên C và H đưa Nguyễn Thị N¹ (vợ không hôn thú của H) đứng tên góp vốn Công ty Lê H thay cho Đặng Thanh H².

Công ty Lê H không hoạt động kinh doanh theo đăng ký, nhưng theo chỉ đạo của C và H, từ ngày 26/9/2001 đến 03/5/2002, Đặng Thanh H², Vũ Thị H³, Nguyễn Thị Thanh N, Dương Phú Đ sử dụng giấy giới thiệu của Công ty Lê H đến Chi cục thuế Quận 9 mua tổng cộng 09 cuốn hóa đơn với tổng số 450 tờ.

C và H liên hệ tìm cá nhân, đơn vị có nhu cầu mua hóa đơn, đưa thông tin về Công ty và trực tiếp chỉ đạo cách soạn thảo các hợp đồng kinh tế khống, viết nội dung hóa đơn GTGT khống, phiếu thu chi khống, phiếu nhập kho khống, sau đó giao cho Dương Phú Đ ký vị trí Giám đốc, đóng dấu Công ty và Nguyễn Thị Thanh N ký vị trí Kế toán trưởng. Số còn lại, C và H yêu cầu yêu cầu Đ và N ký khống, sau đó bán cho khách hàng, thu tiền.

Công ty Lê H đã bán 444 tờ hóa đơn GTGT cho 215 cá nhân, đơn vị với tổng trị giá 20.857.058.171 đồng, giá trị trước thuế là 19.367.492.968 đồng và thuế GTGT là 1.489.565.203 đồng (trong đó xuất cho Công ty Hoàng V và Công ty Hà P 17 hóa đơn với tổng giá trị hàng hóa trước thuế 2.262.951.104 đồng và thuế GTGT là 179.265.647 đồng).

Để hợp thức hóa đầu vào và che giấu hành vi mua bán hóa đơn khống nêu trên, Tạ Xuân C và Phạm Văn H đã mua và sử dụng 104 tờ hóa đơn GTGT khống của 19 đơn vị, với tổng trị giá 20.872.853.639 đồng, giá trị hàng hóa trước thuế là 19.378.910.572 đồng và thuế GTGT là 1.493.943.067 đồng (trong đó có Công ty Hà P 27 hóa đơn GTGT, doanh số 4.420.250.893 đồng, thuế GTGT là 351.733.665 đồng; các đơn vị còn lại không còn hoạt động, cá nhân thì không xác minh được địa chỉ, lai lịch).

Tháng 5/2002, Chi cục thuế quận Bình Thạnh phát hiện hành vi mua bán hóa đơn GTGT của Công ty Lê H và ngày 13/6/2002 có văn bản đề nghị Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đình chỉ việc bán và sử dụng hóa đơn GTGT của Công ty Lê H. C và H đóng của Công ty, bỏ đi không khai báo Chi cục thuế và chính quyền địa phương, Chỉ tiếp tục điều hành hoạt động Công ty Hà P tại Quận 9. Các hồ sơ, chứng từ, cuống hóa đơn, con dấu Công ty Lê H đã thất lạc khi bị can di chuyển để tránh né cơ quan chức năng.

Phạm Văn H khai: Số tiền thu được từ việc bán hóa đơn GTGT của Công ty Lê H khoảng 200.000.000 đồng, trong đó khoảng 150.000.000 đồng được sử dụng mua hóa đơn đầu vào, 7.056.915 đồng được sử dụng để nộp thuế phí, số tiền còn lại chi hàng tháng: lương, thưởng, thuê nhà, văn phòng phẩm...

Như vậy, tại Công ty Lê H, Tạ Xuân C tuy không đứng tên Công ty nhưng là người tìm khách hàng, hướng dẫn nhân viên soạn hợp đồng, ghi hóa đơn để thực hiện việc phát hành, mua bán 444 tờ hóa đơn GTGT cho 215 cá nhân, đơn vị với tổng trị giá 20.857.058.171 đồng, giá trị trước thuế là 19.367.492.968 đồng và thuế GTGT là 1.489.565.203 đồng.

3. Hành vi mua 26 cuốn hóa đơn GTGT, lập và ký khống 1.287 tờ Hóa đơn GTGT tại Công ty Hà P để bán cho 383 đơn vị, cá nhân với tổng giá trị 59.263.249.691 đồng:

Công ty Hà P được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 25/9/2001, ngành nghề kinh doanh: Xây dựng, san lấp mặt bằng, mua bán máy móc vật liệu xây dựng trang trí nội thất, gia công cơ khí, dịch vụ thương mại... Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng (Tạ Xuân C góp 1.500.000.000 đồng và Nguyễn Văn T¹ góp 1.000.000.000 đồng), do Tạ Xuân C làm đại diện theo pháp luật, được Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh cấp mã số thuế 0302416501.

Tạ Xuân C về quê hứa sẽ tìm việc cho người quen là ông Nguyễn Văn T¹ ở Thành phố Hồ Chí Minh, với mục đích sử dụng giấy tờ tùy thân của ông T¹ để thành lập Công ty Hà P. Thực tế là do cá nhân C thành lập và điều hành Công ty, thường xuyên thay đổi chức danh Giám đốc, Kế toán Trưởng của Công ty. Cụ thể chức danh Giám đốc lần lượt do Nguyễn Xuân V¹, Tạ Xuân C, Trần Đình L, Nguyễn Mạnh T⁴ đảm nhiệm; Chức danh Kế toán Trưởng lần lượt do Vũ Thị H¹, Trần Thị D, Ngô Thị Hoài T⁵, Hồ Phạm Ngọc T⁶ đảm nhiệm.

Theo chỉ đạo của Tạ Xuân C, từ ngày 29/10/2001 đến ngày 10/9/2002, Trần Thị D, Ngô Thị Hoài T⁵, Nguyễn Thị Diễm H², Hồ Phạm Ngọc T⁶ sử dụng giấy giới thiệu của Công ty Hà P đến Chi cục thuế Quận 9 để mua tổng cộng 26 cuốn hóa đơn, tổng số 1.300 tờ.

Theo tài liệu báo cáo thuế, từ tháng 10/2001 đến tháng 11/2002, Công ty Hà P hủy 11 tờ hóa đơn GTGT, xuất 1.287 tờ hóa đơn GTGT với doanh số bán ra là 59.263.249.691 đồng, thuế GTGT là 4.364.063.432 đồng cho 383 đơn vị, cá nhân. Cơ quan điều tra đã xác minh, thu thập được 355 tờ hóa đơn GTGT của 128 đơn vị, cá nhân với tổng doanh số 16.122.348.764 đồng, thuế GTGT là 1.233.418.559 đồng. Các đơn vị, cá nhân khác không còn hoạt động, không thu thập được tài liệu.

Để hợp thức hóa bằng việc mua hóa đơn đầu vào, từ tháng 10/2001 đến tháng 11/2002, Công ty Hà P đã mua và sử dụng 252 tờ hóa đơn GTGT khống, với doanh số 59.052.417.295 đồng, thuế GTGT là 4.356.462.103 đồng của 59 đơn vị, cá nhân (không còn hoạt động, không xác minh được nhân thân, lai lịch).

Tạ Xuân C thừa nhận với Cơ quan điều tra là lập ra Công ty Hà P chỉ để mua bán hóa đơn GTGT chứ không có hoạt động kinh doanh.

Năm 2007, Cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với: Phạm Văn H, Dương Phú Đ, Nguyễn Phước H³, Hồ Minh ⁷, Âu H³. Riêng Tạ Xuân C bỏ trốn, Cơ quan điều tra ra lệnh truy nã và tạm đình chỉ điều tra. Ngày 24/5/2021, Tạ Xuân C bị bắt theo Lệnh truy nã số 1222-60 ngày

11/8/2008 và Cơ quan điều tra ra quyết định phục hồi điều tra đối với Tạ Xuân C.

Tại Bản cáo trạng số 96/CT-VKS-P2 ngày 17/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Tạ Xuân C về tội “*In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước*” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 249/2022/HS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Tạ Xuân C 03 (ba) năm tù về tội “*Phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước*”.

Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạt tiền bị cáo số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/6/2022, bị cáo Tạ Xuân C có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Tạ Xuân C trình bày bị cáo đã biết tội của mình, chỉ xin được hưởng án treo hoặc giảm hình phạt, vì bản thân bị cáo đã lớn tuổi, mắc nhiều bệnh, hàng tháng phải đi khám chữa bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tăng lipid máu, tăng sản xuất tuyến tiền liệt, tiểu tiện không tự chủ, sỏi thận, bệnh cơ tim do thiếu máu cục bộ, trầm cảm, hay mệt, ăn uống kém, khó ngủ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đơn chiếc, chỉ sống bằng đồng lương hưu của vợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự, đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, đủ điều kiện xét xử phúc thẩm. Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước*” là đúng người, đúng tội và đã quyết định mức hình phạt tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ gì mới, nên đề nghị bác kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Biên bản bắt người đang bị truy nã ngày 24/5/2021 (bút lục số 56) và Quyết định trả tự do số 9024 ngày 28/5/2021 (bút lục số 67) thể hiện Tạ Xuân C bị bắt từ ngày 24/5/2021 đến ngày 28/5/2021 mới được trả tự do, nhưng Bản án sơ thẩm không ghi nhận và không khấu trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo là thiếu sót, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của bị cáo, nên cần phải khắc phục.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị án khác trong vụ án, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định từ tháng 5/2001 đến tháng 10/2002, bị cáo Tạ Xuân C thành lập và điều hành 03 công ty, nhưng không có hoạt động kinh doanh, mà in, phát hành, mua bán trái phép tổng cộng 1.447 tờ hóa đơn GTGT, với tổng giá trị 75.738.925.971 đồng, thuế GTGT là 5.588.607.761 đồng. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Tạ Xuân C phạm tội “*Phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước*”, theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước, trật tự quản lý thuế, làm thất thoát nguồn thu ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, nên cần phải xử phạt nghiêm. Bản án sơ thẩm đã xem xét bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên và có các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện đang mắc nhiều bệnh và đã xử phạt 03 năm tù, là mức trung bình của khung hình phạt quy định phạt tù từ 01 năm đến 05 năm là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không có tình tiết giảm nhẹ gì mới, nên không có căn cứ để giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo;

Sau khi vụ án được khởi tố thì bị cáo bỏ trốn và sau đó bị bắt theo lệnh truy nã. Đây là trường hợp không được hưởng án treo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo.

Vì vậy, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bác kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Xuân C; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 249/2022/HS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Tạ Xuân C phạm tội: “*Phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước*”.

Xử phạt bị cáo Tạ Xuân C 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/5/2021 đến ngày 28/5/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Tạ Xuân C phải nộp số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Bị cáo Tạ Xuân C được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM, tỉnh Bình Định;
- Cục THADS TP. HCM;
- Trại tạm giam Công an TP. HCM;
- UBND Phường 8, quận Tân Bình, TP. HCM;
- UBND phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. HCM;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, NTHN (20b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công